

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06** /2021/HNGĐ-ST  
Ngày 25-02-2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thêu;
2. Ông Lại Đức Lợi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐ-ST, ngày 28 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Vũ Văn V**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn KĐ, xã PC, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Bà Trần Thị M**, sinh năm 1970

Đăng ký hộ khẩu: Thôn KĐ, xã PC, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Ở nước ngoài - Cộng hòa Séc.

*(Ông V, bà M đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC,

huyện ĐH, tỉnh Thái Bình ngày 17-9-1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, bà M đi lao động ở nước ngoài từ năm 2001, ông V và bà M sống ly thân từ năm 2004 đến nay, không có quan hệ gì với nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, bà M ở nước ngoài, nhưng ông V không biết địa chỉ cụ thể của bà M ở nước ngoài, ông V chỉ biết nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà M tại Việt Nam (thôn KĐ, xã PC, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình). Nay ông V xác định tình cảm vợ chồng giữa ông V và bà M không còn, ông V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết cho ông V được ly hôn bà M; Về quan hệ con chung: Vợ chồng, ông V và bà M có 02 con chung là Vũ QA, sinh ngày 12-10-1994 và Vũ Quốc T, sinh ngày 07-11-1998, hiện nay các con chung đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành và hoàn toàn tự lập về mọi mặt, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái; Về quan hệ tài sản: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong bản tự khai và các tài liệu gửi về Tòa án, bị đơn bà Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Vũ Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình vào ngày 17-9-1993. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2001 thì bà M đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2004 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay bà M xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông V không còn, ông V xin ly hôn, bà M đồng ý ly hôn với ông V; Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ QA, sinh ngày 12-10-1994 và Vũ Quốc T, sinh ngày 07-11-1998, hiện nay các con chung đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành và hoàn toàn tự lập về mọi mặt, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái; Về quan hệ tài sản: Bà M, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Bà M ủy quyền cho bố đẻ là ông Trần Công H, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm 2, thôn C, xã PC, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Theo thông tin của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp cho Tòa án, thì bị đơn bà Trần Thị M đã xuất cảnh khỏi Việt Nam qua cửa khẩu Sân bay Quốc tế Nội Bài từ ngày 03-11-2011, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông V được ly hôn bà M; về con chung và về tài sản, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị M hiện đang ở nước ngoài - Cộng hòa Séc, căn cứ khoản 3 Điều 35 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình; nguyên đơn ông V và bị đơn bà M đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 464 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn ông V và bị đơn bà M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 17-9-1993 tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ, chồng sống ly thân với nhau từ năm 2004 đến nay, không có quan hệ gì với nhau, không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống. Nay ông V xác định tình cảm vợ chồng giữa ông V và bà M không còn, ông V xin ly hôn với bà M; bà M cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông V không còn, bà M đồng ý ly hôn với ông V, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông V, áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, để giải phóng cho ông Vũ Văn V và bà Trần Thị M.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị M, có 02 con chung là Vũ QA, sinh ngày 12-10-1994 và Vũ Quốc T, sinh ngày 07-11-1998, các con chung của ông V và bà M đã trên 18 tuổi, sống hoàn toàn tự lập về mọi mặt. Ông V và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về con cái.

[4] Về tài sản chung: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản. Sau này các bên có yêu cầu Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Nguyên đơn ông Vũ Văn V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn quy định tại điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bà Trần Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Áp dụng: Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 464, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Văn V được ly hôn bà Trần Thị M.

**3.** Về quan hệ con chung: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị M có 02 con chung là cháu Vũ QA, sinh ngày 12-10-1994 và cháu Vũ Quốc T, sinh ngày 07-11-1998 đều trên 18 tuổi, đã trưởng thành và hoàn toàn tự lập, ông V, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết về con cái. Không đặt ra giải quyết.

**4.** Về quan hệ tài sản: Ông Vũ Văn V và bà Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Không đặt ra giải quyết. Sau này các bên có yêu cầu Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

**5.** Về án phí: Ông Vũ Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông Vũ Văn V nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0009859, ngày 19-11-2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

**6.** Án xử công khai sơ thẩm, ông Vũ Văn V vắng mặt và bà Trần Thị M vắng mặt. Ông Vũ Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Trần Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã PC, huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Trần Xuân Bằng**